

MỤC LỤC

Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	10
3.3. Sản phẩm của cơ sở	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu	12
4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	12
4.2. Nhu cầu về điện	12
4.3. Nhu cầu về nước	12
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	13
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
6.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	13
6.2. Các hạng mục công trình chính	14
6.3. Các hạng mục công trình phụ trợ	14
Chương II.....	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	16
2. Sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường	17
Chương III	18

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	18
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	18
1.2. Thu gom, thoát nước thải	22
1.3. Xử lý nước thải	26
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	33
2.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, giao thông.	33
2.2. Đối với khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng	33
2.3. Đối với khí thải và mùi từ bếp nấu	34
2.4. Đối với khí thải và mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.	34
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	36
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	39
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	40
6.1. Phòng chống cháy nổ	40
6.2. Ứng phó với sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải	40
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	46
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	46
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	46
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	46
Chương IV	47
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	47
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	47
2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải	48

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, động rung:.....	48
4. Nội dung đề nghị cấp giấy phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	49
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	50
Chương V	51
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	51
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	51
2.1. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở	51
2.2. Nước thải sinh hoạt.....	51
2.3. Nước xả bể bơi	53
3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.....	53
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):	54
5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):.....	54
6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	54
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	54
Chương VI	55
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	55
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	55
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	55
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	55
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	56

2.1. Chương trình quan trắc định kỳ.....	56
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	57
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	57
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	58
Chương VII.....	59
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	59
1. Cam kết	59
2. Kiến nghị.....	60

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Vị trí cơ sở.....	7
Hình 2. Hình ảnh vị trí của cơ sở và các khu vực xung quanh.....	10
Hình 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	19
Hình 4. Ga thoát nước mưa G1, G2 của cơ sở.	21
Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở	24
Hình 6. Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải	26
Hình 7. Nhà điều hành HTXLNT và hố ga thoát nước thải GT2 của cơ sở.....	27
Hình 8. Máy phát điện dự phòng của cơ sở.....	34
Hình 9. Hệ thống xử lý mùi hệ thống xử lý nước thải của cơ sở	35
Hình 10. Kho chứa chất thải nguy hại tại tầng hầm B3 của cơ sở	38

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tọa độ khép góc của cơ sở.....	8
Bảng 2. Quy mô của cơ sở.....	9
Bảng 3. Bảng tổng hợp hóa chất sử dụng của cơ sở.....	12
Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở (2024)	12
Bảng 5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở (2024)	13
Bảng 6. Các hạng mục phụ trợ của cơ sở	15
Bảng 7. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở.....	20
Bảng 8. Danh sách thiết bị hệ thống bể bơi của cơ sở.....	23
Bảng 9. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.....	25
Bảng 10. Thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình trong HTXLNT	29
Bảng 11. Thiết bị, máy móc, vật tư sử dụng trong hoạt động của HTXLNT.....	30
Bảng 12. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi.....	35
Bảng 13. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở	36
Bảng 14. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH của cơ sở năm 2024	37
Bảng 15. Sự cố và biện pháp ứng phó sự cố xử lý nước thải do thiết bị.....	43
Bảng 16. Sự cố và biện pháp ứng phó sự cố vi sinh xử lý nước thải	44
Bảng 17. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở (m3/tháng)	51
Bảng 18. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt.....	51
Bảng 19. Kết quả quan trắc nước thải bể bơi	53
Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	55
Bảng 21. Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	55
Bảng 22. Kinh phí thực hiện quan trắc nước thải.....	58

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MỸ XUÂN HÀ NỘI

Địa chỉ văn phòng: R2.218 Tầng 2, tòa nhà Florence, số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở

Ông: Nguyễn Đức Chính

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 09833541116

Địa chỉ: B20 D21, p. Dịch Vọng Hậu, q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Quyết định thành lập:

Ngày 08/09/2016, UBND thành phố Hà Nội gửi công văn số 5234/UBND-KT tới các Sở: Tài Chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường và Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội về việc cho phép Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội cùng các đối tác: Công ty cổ phần phát triển đô thị Từ Liêm, Công ty TNHH một thành viên giống gia súc Hà Nội, Công ty cổ phần phát triển Tân Việt và Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings chuyển đổi hình thức đầu tư từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001107 ngày 16/08/2012 của UBND Thành phố sang thành lập Công ty cổ phần để thực hiện dự án Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng tại điểm X3, đường Trần Hữu Dực, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Do đó, ngày 10/10/2016, Công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0107593592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0107593592, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 12 năm 2024

2. Tên cơ sở

TỔ HỢP NHÀ Ở CAO TẦNG KẾT HỢP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VĂN PHÒNG (TÒA NHÀ CHUNG CƯ FLORENCE)

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Địa điểm cơ sở: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội, vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- + Phía Bắc Giáp Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Từ Liêm
- + Phía Nam Giáp khu liên hợp TDDT quốc gia
- + Phía Đông giáp đường quy hoạch
- + Phía Tây giáp đường giao thông nội bộ khu vực

Hình 1. Vị trí cơ sở



Tọa độ khép góc của lô đất (Theo hệ tọa độ VN-2000) như sau:

TT	Tên điểm	Tọa độ Y/X
1	A	322082.6242/503403.3216
2	B	322045.8252/503478.6871
3	C	322069.3228/503493.2329
4	D	322054.8591/503522.8664
5	E	322099.3665/503533.8283
6	F	322135.9723/503542.8439

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 7

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

7	G	322167.3883/503517.8784
8	H	322121.6449/503571.9794
9	K	322135.1475/503590.4523
10	L	322173.2152/503605.0537

Bảng 1. Tọa độ khớp góc của cơ sở***Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:***

Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001107 chứng nhận ngày 16 tháng 08 năm 2012

Giấy phép quy hoạch số: 3044/GPQH (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung) được Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc Hà Nội cấp ngày 15/07/2015

Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc cho phép công ty TNHH một thành viên giống gia súc Hà Nội chuyển mục đích 9.940 m² đất tại điểm X3 (giao đoạn II), phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng được UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 05/02/2016.

Văn bản số 5234/UBND-KT ngày 08/09/2016 về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư tại điểm X3 Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội.

Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2209/QĐ-UBND ngày 12/04/2017

Quyết định số 5125/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND thành phố Hà Nội

Văn bản số 658/HĐXD-QLTK ngày 17/08/2017 của cục quản lý hoạt động xây dựng về việc thông báo về kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng

Giấy phép xây dựng số: 114/GPXD do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 09 năm 2017

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở như sau .

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: “Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng” Địa điểm: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội số 1173/QĐ-

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

UBND được ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2021 thay thế cho quyết định số 7039/QĐ-UBND.

Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Căn cứ vào khoản 6, điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001107 ngày 16 tháng 08 năm 2012, tổng vốn đầu tư dự kiến của cơ sở khoảng 785.000.000.000 đồng (bảy trăm tám năm tỉ đồng) như vậy xét theo tiêu chí về đầu tư công tại Luật đầu tư công số 58 năm 24 của Chính phủ, cơ sở thuộc loại hình “Xây dựng khu nhà ở” được quy định tại khoản 1 điều do đó cơ sở đạt tiêu chí phân loại nhóm B (dự án có tổng mức đầu tư từ 240 tỷ đồng đến dưới 4.600 tỷ đồng).

Cơ sở thuộc điểm 2, mục II, phụ lục V kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ – CP vì thế cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm III.

Căn cứ vào điểm c, khoản 3, điều 41 của Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020 ngày 17/11/2020, thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của cơ sở thuộc UBND Thành Phố Hà Nội, Mẫu báo cáo sử dụng trình bày là phụ lục X thuộc Nghị định 05/2025/ NĐ – CP.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Mục đích

Mục đích của Tòa Nhà chung cư Florence là tạo một quỹ nhà phù hợp đảm bảo giải quyết nhu cầu nhà ở cho người dân ngoài ra còn kết hợp với các căn có chức năng làm dịch vụ thương mại và văn phòng, nâng cao đời sống của người dân và thúc đẩy phát triển của khu vực. Đầu tư một khu nhà ở chất lượng cao theo đúng định hướng và quy hoạch của thành phố bao gồm

- Nhà ở chung cư tiện nghi

- Dịch vụ thương mại hoàn chỉnh

- Hệ thống hạ tầng đồng bộ

- Giao thông thuận tiện, phát triển

Quy mô

Bảng 2. Quy mô của cơ sở

CHỈ TIÊU	DIỆN TÍCH
Diện tích khu đất	9.940 m ²

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 9

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Diện tích xây dựng công trình	3.967 m ²
Diện tích đất xây dựng nhà phụ trợ	73 m ²
Số tầng	25
Số hầm	03
Mật độ xây dựng	40%
Tổng diện tích xây dựng sàn nổi	64.540 m ²
Diện tích xây dựng phần ngầm	14.295 m ²
Chiều cao công trình	85.5 m
Chiều sâu công trình	10,7 m
Tổng số căn hộ	480 căn
Quy mô dân số	2.300 người (BQLtoà nhà)
Số lượng người khu dịch vụ, thương mại, văn phòng, nhà trẻ (từ tầng 1 đến tầng 3)	200 người (BQLtoà nhà)
Nhân sự ban quản lý, an ninh và vệ sinh	44 người (BQLtoà nhà)
Bể bơi	225 m ³
Cấp công trình	Cấp I
Bậc Chịu lửa	Bậc I

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Cơ sở không thuộc dự án sản xuất nên không thực hiện nội dung này

Quy trình vận hành của cơ sở:

- + Quản lý chung: Ban quản trị Tòa nhà
- + Quản lý vận hành: Công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội

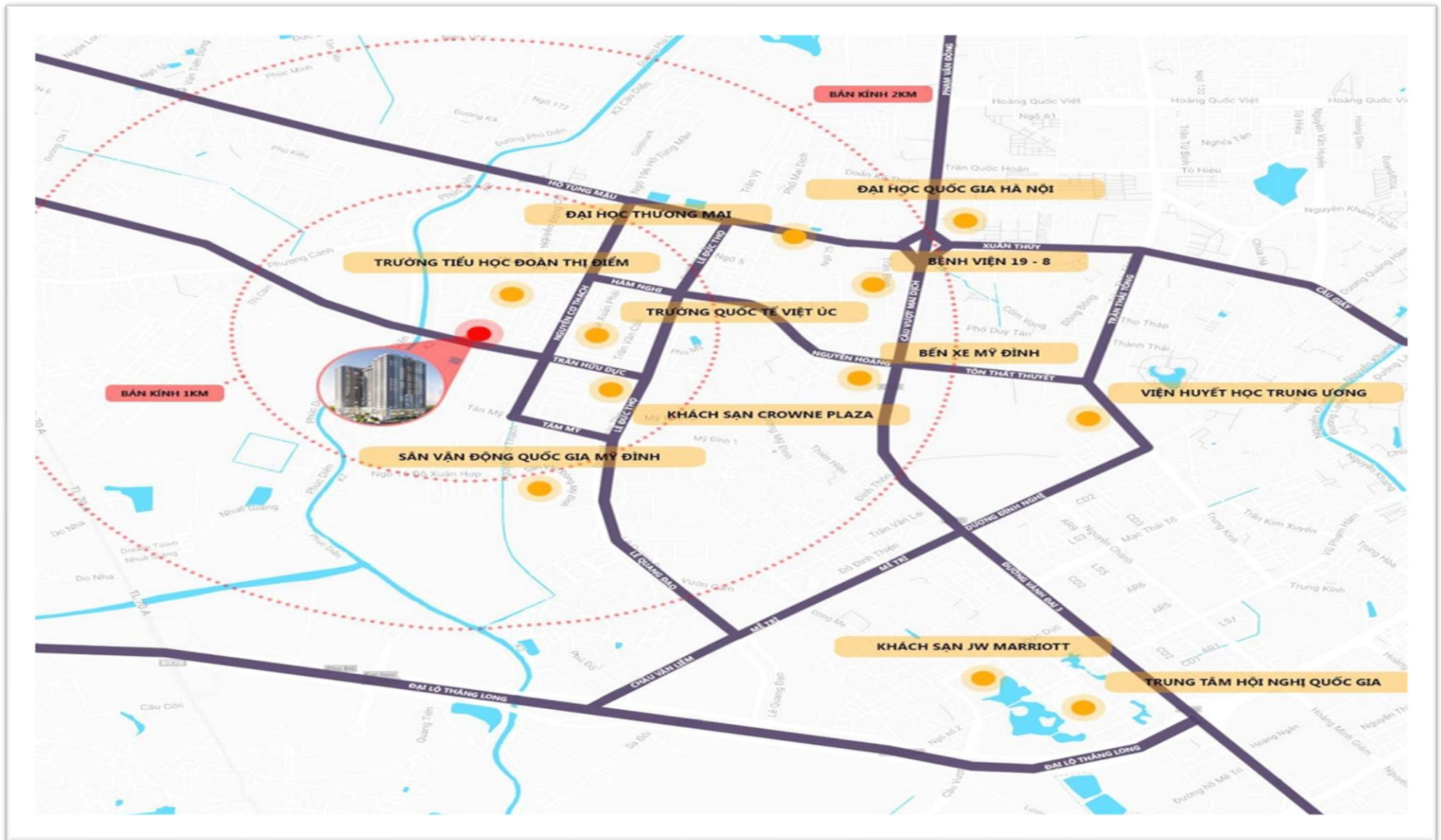
3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở tọa lạc tại số 28 Trần Hữu Dực tuyến phố đẹp và phát triển bậc nhất của p.Mỹ Đình, q. Nam Từ Liêm, Hà Nội vị trí cơ sở vô cùng đắc địa khi dễ dàng kết nối với vành đai 3 qua đường Trần Hữu Dực kéo dài. Cư dân tại cơ sở sẽ được thừa hưởng toàn bộ tiện ích và hạ tầng khu đô thị Mỹ Đình. Công trình là một tổ hợp bao gồm 3 tầng hầm và 25 tầng nổi trong đó từ tầng 1 đến tầng 3 là tầng dịch vụ và thương mại, tầng 4 đến tầng 24 là tầng của các căn hộ, tổng số căn hộ là 480 căn.

Hình 2. Hình ảnh vị trí của cơ sở và các khu vực xung quanh

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 10



4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu

4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Để duy trì vận hành hoạt động, cơ sở có sử dụng 1 số hóa chất, cụ thể như sau:

Bảng 3. Bảng tổng hợp hóa chất sử dụng của cơ sở

STT	HÓA CHẤT	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Hóa chất tẩy rửa sàn Ncovi	Lít/ tháng	100
2	Hóa chất Vim	Lít/ tháng	20
3	Hóa chất Javen	Lít/ tháng	30
4	Hóa chất lau thang máy và lau thơm	Lít/ tháng	20
5	Hóa chất Hcl	Lít/ tháng	3
6	Hóa chất Clo	Kg/tháng	10

Nguồn: Ban quản lý toà nhà

4.2. Nhu cầu về điện

Nguồn điện của cơ sở được lấy từ nguồn cáp ngầm 22kV của khu vực thông qua trạm biến áp 4000kVa của cơ sở cấp cho công trình sử dụng. Nguồn cấp điện do tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội (EVNHANOI) – Công ty điện lực Nam Từ Liêm cung cấp

Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở (2024)

Thời gian (2024)	Chỉ số tiêu thụ của các căn hộ		Tổng cộng (kWh)
	Đã lắp công tơ	Chưa lắp công tơ	
Tháng 6	236502	40698	277200
Tháng 7	237894	40506	278400
Tháng 8	238845	41335	280200
Tháng 9	202859	34141	237000
Tháng 10	176814	28986	205800
Tháng 11	149030	20770	169800

Nguồn: Ban quản lý toà nhà

4.3. Nhu cầu về nước

Nguồn cung cấp: Nước sạch của cơ sở được cung cấp bởi công ty cổ phần VIWACO (tầng 1 nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính,

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam) theo văn bản số 1820/VIWACO-TT ngày 08 tháng 12 năm 2016. Nước được sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của dân cư sinh sống trong căn hộ, sinh hoạt công cộng, nhà trẻ, bể bơi, nước dự trữ PCCC... Lượng nước của cơ sở phát sinh qua hóa đơn nước, được thể hiện qua bảng sau.

Bảng 5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở (2024)

Thời gian (2024)	Đơn vị	Mức tiêu thụ
Tháng 1	m ³ /tháng	7.942
Tháng 2	m ³ /tháng	7.892
Tháng 3	m ³ /tháng	5.947
Tháng 4	m ³ /tháng	7.704
Tháng 5	m ³ /tháng	7.354
Tháng 6	m ³ /tháng	7.993
Tháng 7	m ³ /tháng	7.928
Tháng 8	m ³ /tháng	8.086
Tháng 9	m ³ /tháng	8.242
Tháng 10	m ³ /tháng	7.902
Tháng 11	m ³ /tháng	8.279
Tháng 12	m ³ /tháng	8.136
Trung bình (m ³ /tháng)		7.784 (260 m ³ /ngày)

Nguồn: Ban quản lý tòa nhà

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

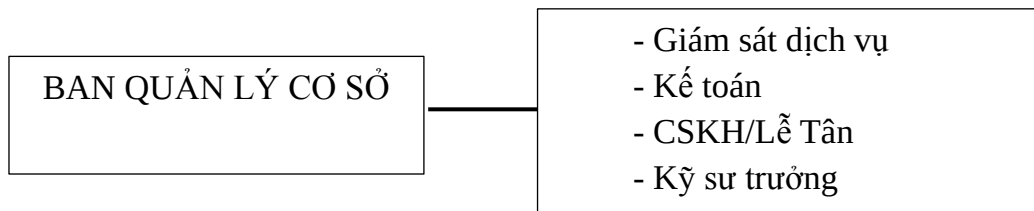
Cơ sở không thực hiện nội dung này

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

6.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

Ban quản trị của cơ sở được thành lập theo Quyết định số 391/QĐ-UBND về việc công nhận ban quản trị tòa nhà chung cư Florence, nhiệm kỳ 2024 - 2027, tổ dân phố số 17, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm được Ủy ban nhân dân phường Cầu Diễn cấp ngày 06/12/2024 bao gồm 01 Trưởng ban, 02 Phó ban, 02 Thành viên.

Ban quản lý của cơ sở vận hành được thể hiện như sau:



6.2. Các hạng mục công trình chính

Công trình là tòa nhà có quy mô 03 tầng hầm, khối tháp cao 25 tầng các khu chức năng được phân theo từng tầng như sau:

+ Tầng hầm 1: Chức năng phục vụ để xe oto, xe máy và kỹ thuật tòa nhà, diện tích sàn 4765,2 m², chiều cao là 4,1m.

+ Tầng hầm 2: Chức năng phục vụ để xe oto, xe máy kỹ thuật tòa nhà, chiều cao tầng 3,3m, diện tích sàn 4765.2 m²

+ Tầng hầm 3: Chức năng phục vụ để xe oto, xe máy, kỹ thuật tòa nhà, chiều cao tầng 3,3m, diện tích sàn 4765,2 m²

+ Tầng 1: Chức năng làm sảnh căn hộ, sảnh văn phòng, khu dịch vụ thương mại, văn phòng, nhà trẻ, diện tích sàn xây dựng 2.953,3 m², chiều cao tầng 4,5 m

+ Tầng 2: Bố trí không gian dịch vụ, văn phòng, thương mại và khu nhà trẻ, diện tích sàn xây dựng 3851.0 m², chiều cao tầng 4,5m

+ Tầng 3: Chức năng làm khu dịch vụ, văn phòng, thương mại, khu bể bơi và phụ trợ bể bơi, sinh hoạt cộng đồng, diện tích sàn xây dựng 2773.4 m², chiều cao 4,5m

+ Tầng 4-9 (6 tầng): Bố trí các căn hộ ở, hành lang, thang máy, phụ trợ, diện tích sàn xây dựng mỗi tầng khoảng 2.654,9 m², (22 căn hộ/tầng) và chiều cao mỗi tầng 3,2m

+ Tầng 10-22(13 tầng): Bố trí các căn hộ ở, hành lang, thang máy, phụ trợ, diện tích sàn xây dựng mỗi tầng khoảng 2.654,9 m², (24 căn hộ/tầng), mỗi tầng cao 3,2m

+ Tầng 23,24: Bố trí các căn hộ ở, hành lang, thang máy, phụ trợ, diện tích sàn, xây dựng mỗi tầng khoảng 2.103,6 m² (18 căn hộ/ tầng), chiều cao mỗi tầng 3,2m

+ Tầng tum thang máy: có chiều cao 4,5m, có diện tích khoảng 312,8 m², bố trí tum thang và không gian kỹ thuật phục vụ công trình.

Năm hoạt động của cơ sở là 2019 đến nay cơ sở đã đi vào hoạt động 06 năm. Tỷ lệ lấp đầy của cơ sở là 98%

6.3. Các hạng mục công trình phụ trợ

Bảng 6. Các hạng mục phụ trợ của cơ sở

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	GHI CHÚ
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống	Nước mưa mái, ban công thu gom về hồ bơm tầng hầm B3
2	Hệ thống thu gom nước thải	Hệ thống	Nước thải xí tiêu, giặt là, bếp, rửa lọc bể bơi thu gom
3	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	Công suất 440m3 đặt tại tầng hầm B1 của tòa nhà
4	Hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT	Hệ thống	Bao Gồm quạt hút và tháp hấp phụ, đặt tại tầng mái của cơ sở
5	Hệ thống bể bơi và lọc, xả nước bể bơi	Hệ thống	Thể tích bể bơi là 225m3 tại tầng 3 của cơ sở
6	Hệ thống cấp điện	Hệ thống	Công ty điện lực Nam Từ Liêm
7	Hệ thống cấp nước	Hệ thống	Nguồn cấp nước từ Công ty cổ phần Viwaco
8	Hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt từng tầng, công cộng	Hệ thống	Các thùng rác dung tích 60l, 40l, 240l đặt tại các vị trí thuận tiện để vứt rác.
9	Hệ thống lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại	Kho lưu chứa	Lưu chứa tại phòng rác từng tầng có diện tích 6,46m2/phòng và phòng chứa rác chung tại tầng 1, tòa nhà 1 diện tích 22,68m2, toà nhà 2 diện tích 20,64m2, kho lưu trữ chất thải nguy hại tại tầng hầm B3 có diện tích 6,27m2
10	Hệ thống PCCC, chống sét, loa thông báo	Hệ thống	Đồng bộ theo hạ tầng của cơ sở
11	Cây xanh, sân vườn	Hệ thống	Diện tích trồng cây xanh khoảng 1000m2, số lượng cây xanh khoảng 200 cây, chủ yếu là các cây lá to tạo cảnh quan như bằng lăng, cọ, hoa sữa.
12	Hệ thống máy phát điện dự phòng, máy biến áp.	Hệ thống	02 máy biến áp 3 pha 1000kVa và 2000kVa 01 Máy phát điện cơ sở (1000kVa) 01 máy phát điện cho PCCC (25kVa)
13	Hệ thống thông gió cơ sở	Hệ thống	Bao gồm hệ thống thông gió chung, thông gió tầng hầm, thông gió cơ sở.

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA
MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Tổ hợp Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng phù hợp với các quy hoạch phát triển quy định tại: Quyết định số 1259/QĐ-TTG ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050:

Phù hợp với tính chất: Là Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm đầu não chính trị, hành chính của cả nước, đô thị loại đặc biệt; là trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Phù hợp với mục tiêu: Xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa, bảo tồn di sản, di tích lịch sử, với phát triển kinh tế, trong đó chú trọng kinh tế tri thức và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh theo hướng liên kết vùng, quốc gia, quốc tế. Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố “Xanh – Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, đô thị phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế; có môi trường sống, làm việc tốt, sinh hoạt giải trí chất lượng cao và có cơ hội đầu tư thuận lợi.

Giấy phép quy hoạch số: 3044/GPQH (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung) được Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc Hà Nội cấp ngày 15/07/2015

Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc cho phép công ty TNHH một thành viên giống gia súc Hà Nội chuyển mục đích 9.940 m² đất tại điểm X3 (giao đoạn II), phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng được UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 05/02/2016.

Quyết định số 1173/QĐ - UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án " Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng" Địa điểm: số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội

2. Sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường

Đặc thù của cơ sở là tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và chung cư vì vậy trong quá trình hoạt động, chất thải chủ yếu là nước thải, rác thải. Đối với nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định, chất thải nguy hại được xử lý bởi đơn vị có chức năng. Như vậy các nguồn thải đã có các biện pháp và kỹ thuật để giảm thiểu tác động tới môi trường.

Vì vậy, việc thực hiện cơ sở hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và khả năng chịu tải môi trường

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tòa nhà đã được xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Do hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước mưa khá thấp nên nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom bằng hệ thống thoát nước nội bộ rồi được đưa vào hệ thống thoát nước chung của Thành Phố, lượng nước mưa được thu gom từ 4 nguồn chính như sau:

- + Nước mưa trên mái
- + Nước mưa khu vực ban công các căn hộ
- + Nước mưa thu gom dưới tầng hầm
- + Nước mưa chảy tràn xung quanh tòa nhà

Nước mưa trên mái và nước mưa ban công được thu gom bằng các phễu thu có đặt các rọ chắn rác theo các ống đứng chảy xuống các hộp kỹ thuật sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa xung quanh tòa nhà sau đó chảy ra tuyến ống D1000 ra đường Trần Hữu Dực

Nước mưa tại tầng hầm là lượng nhỏ, đây là lượng nước mưa thoát được xuống tầng hầm và nước mưa từ xe cộ ra vào 3 tầng hầm làm phát sinh. Nước mưa sàn tầng hầm 1,2 được thu tại ghi gang B140, sau đó thoát xuống hố bơm 01,02 tại tầng hầm B3 qua đường ống PVC D160. Nước mưa được bơm từ hố bơm 1, hố bơm 2 qua đường ống D80 lên hệ thống thoát nước mưa ngoài của tòa nhà.

Hệ thống thoát nước mưa của tòa nhà được thoát vào hệ thống thoát nước mưa của thành phố trên đường Trần Hữu Dực tại 2 vị trí:

- Vị trí điểm thoát nước mưa 1

+ Nước mưa mái, ban công từ phía bắc, phía đông và một phần mái và ban công phía nam tòa nhà được thu qua các phễu thu D60, sau đó thu qua các ống đứng D140 và được gom và đường ống D250 thoát qua các trục đứng TMG5, TMG6, TMG3, TMG2 chảy vào các hố ga GM1.1, GM1.2, GM1.3, GM1.4, GM1.5 qua tuyến cống D315 sau đó chảy qua hố ga thoát nước mưa rồi chảy về hố GM1.7.

+ Nước mưa chảy tràn xung quanh tòa nhà phía Bắc, phía Đông tự chảy xuống các rãnh xung quanh tòa nhà thu về các hố ga thoát nước mưa rồi chảy về hố GM1.7.

+ Nước mưa tại tầng hầm tại hố bơm 02 được bơm lên qua đường ống D80 lên hố ga GM 1.3 sau đó chảy qua các hố ga GM1.4, GM1.5, GM1.6, rồi thoát ra hố ga GM1.7

→ Nước mưa từ hố ga GM1.7 thoát qua tuyến cống BTCT D600 vào ga G1 nằm trong hệ thống thoát nước mưa thành phố trên đường Trần Hữu Dực, tuyến cống D1000. (Tại vị trí 1 theo biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước số 92/BB ngày 20/09/2019 và biên bản nghiệm thu thi công đấu nối ngày 15/10/2019 giữa công ty cổ Phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành – đơn vị duy tu hệ thống thoát nước của khu vực).

- Vị trí điểm thoát nước mưa 2

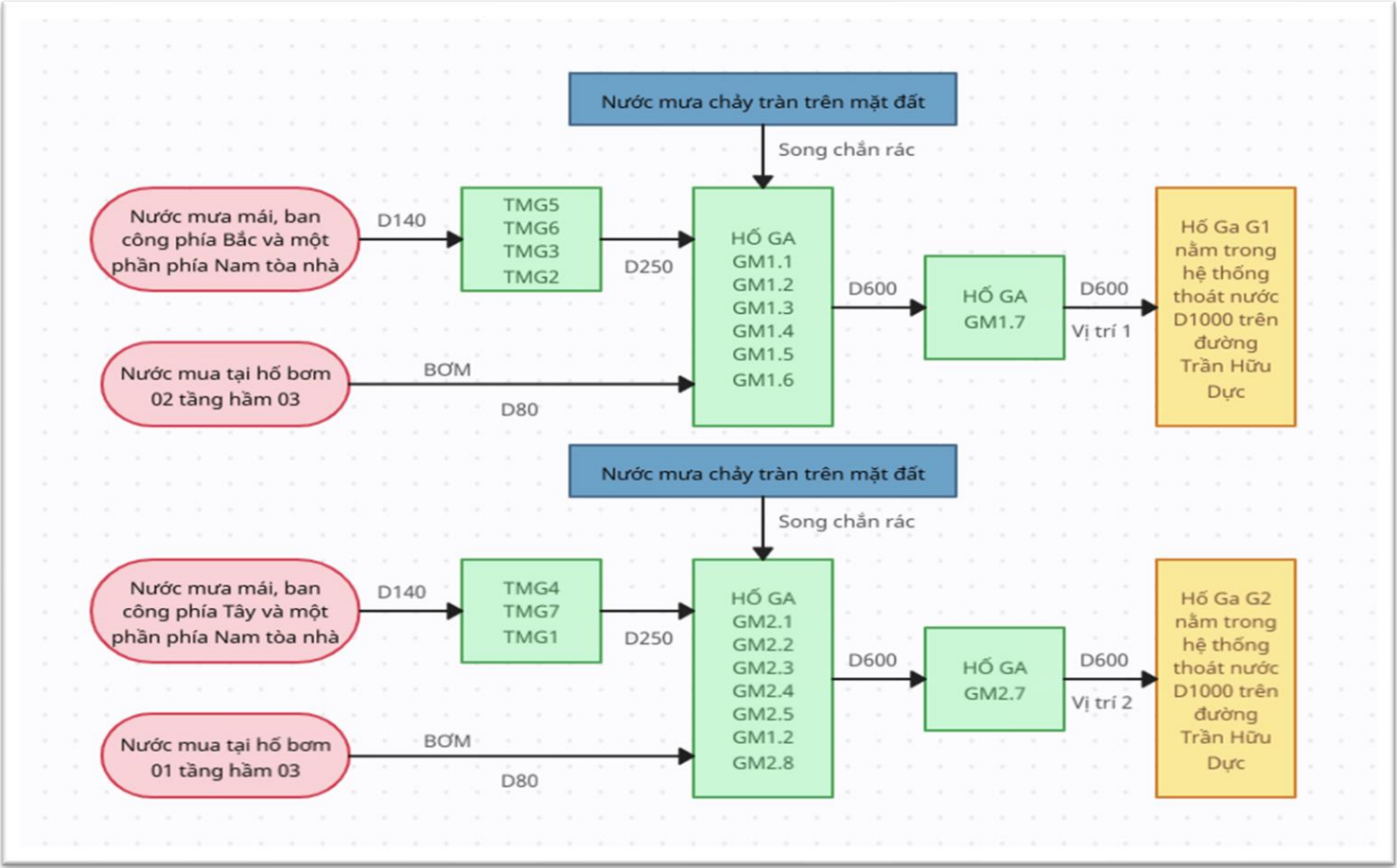
+ Nước mưa mái, ban công từ phía tây và một phần mái và ban công phía nam tòa nhà được thu qua các phễu thu D60, sau đó thu qua các ống đứng D140 và được gom vào đường ống D250 thoát qua các trục đứng TMG4, TMG7, TMG1 đường ống D250 thoát vào các hố ga GM2.1, GM2.2, GM1.3, GM2.4, GM2.8, GM2.5 qua tuyến cống D315 sau đó chảy qua hố ga GM2.6 và thoát vào hố ga cuối cùng trong đất cơ sở hố ga GM2.7

+ Nước mưa chảy tràn xung quanh tòa nhà phía tây, phía Nam tự chảy xuống các rãnh quanh tòa nhà thu về các hố ga thoát nước mưa rồi chảy về hố GM2.7.

+ Nước mưa tại tầng hầm tại hố bơm 01 được bơm lên qua đường ống D80 lên hố ga GM2.6 sau đó chảy qua hố ga GM2.7

→ Nước mưa từ hố ga GM2.7 thoát qua tuyến cống BTCT D600 vào ga G2 nằm trong hệ thống thoát nước mưa thành phố trên đường Trần Hữu Dực, tuyến cống D1000. (Tại vị trí 2 theo biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước số 92/BB ngày 20/09/2019 và biên bản nghiệm thu thi công đấu nối ngày 15/10/2019 giữa công ty cổ Phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành – đơn vị duy tu hệ thống thoát nước của khu vực).

Hình 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở



Đặc trưng của nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như hiện trạng quản lý chất thải rắn, tình trạng vệ sinh, hệ thống thu gom nước thải... Với tình trạng hoạt động bình thường của cơ sở (thu gom rác thải, chất thải đúng theo quy định, vệ sinh thường xuyên sạch sẽ) thì nước mưa sẽ không phát sinh nguồn ô nhiễm

Toàn bộ nước mưa của tòa nhà trong giai đoạn hoạt động được thiết kế thu gom theo thoát ra tuyến cống D1000 trên đường Trần Hữu Dục tại 2 điểm. Vị trí 2 điểm thoát nước mưa không trùng với vị trí xả nước thải của tòa nhà.

Bảng 7. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở

STT	MÔ TẢ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Cống BTCT D400	m	226
2	Cống BTCT D600	m	78
3	Ga thu thăm D400	Ga	10
4	Ga thu thăm D600	Ga	04

5	Ga Thăm D600	Ga	02
---	--------------	----	----

Hình 4. Ga thoát nước mưa G1, G2 của cơ sở.



1 số biện pháp kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm

Để giảm thiểu các chất ô nhiễm đi vào nguồn nước mưa chảy tràn, trong quá trình hoạt động của tòa nhà, cơ sở đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như sau:

- + Xây dựng hệ thống cống rãnh ngầm đạt tiêu chuẩn, bố trí xung quanh khu vực tòa nhà và lối đi đảm bảo nước mưa chảy tràn sẽ được tiêu thoát nhanh kể cả khi có mưa to kéo dài.

- + Bố trí cầu chắn rác tại các phễu thu gom nước mưa khu vực mái và ban công các khối nhà.
- + Vệ sinh cầu chắn rác tại các phễu thu gom nước mưa khu vực mái và ban công các khối nhà.
- + Vệ sinh sạch sẽ sân trong khu vực để đảm bảo hạn chế tối đa các chất bẩn quần theo dòng nước mưa xuống hệ thống thoát nước chung của tòa nhà.
- + Định kì nạo vét, khơi thông cống rãnh đảm bảo khả năng tiêu thoát nước mưa.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải

Loại nước thải chính của tòa nhà khi đi vào hoạt động là nước thải sinh hoạt, lượng nước thải sinh hoạt có lưu lượng lớn nhất đạt 440m³/ ngày đêm (Thuyết minh thiết kế thi công công trình tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp DVTM và văn phòng) từ khu vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý tại cụm bể sơ bộ tại cụm bể xử lý sơ bộ của tòa nhà trước khi dẫn theo đường ống đến hệ thống xử lý nước thải của tòa nhà.

Cơ sở sử dụng hệ thống quạt thông hơi cấp gió để phục vụ quá trình làm mát tại tòa nhà, không sử dụng tháp giải nhiệt. Đây là một hệ làm mát không sử dụng đến nước để làm mát nên lượng nước trao đổi nhiệt của cơ sở hàng năm là không phát sinh

Tòa nhà có bố trí bể bơi với tổng thể tích **225m³** đặt tại tầng 3 của tòa , bao gồm 2 bể như sau:

Bể bơi người lớn có $S_{bbnl} = 129,8m^2$, chiều cao $h_1 = 1,4m$, $V_1 = 182m^3$

Bể bơi trẻ em có $S_{bbte} = 54,3m^2$, chiều cao $h = 1,4m$, $V_2 = 43m^3$

Hệ thống tuần hoàn bể bơi của cơ sở hoạt động theo quy trình khép kín như sau:

Nước từ bể bơi được thu gom qua các mắt thu đáy được đặt tại vị trí giữa bể và đường ống thu nước D60 được thiết kế quanh 1 bên bể, nước bề mặt trong quá trình sử dụng nếu tràn sẽ được đưa tới bể cân bằng có thể tích là 16m³, tại bể cân bằng có đường cấp nước bù D63, bổ sung hoạt động khi mực nước thấp hơn mức cho phép, ngoài ra còn có hệ thống xả đáy D90 và cửa xả tràn. Nước ở bể cân bằng sẽ được đi qua đường ống D160 và cùng đường ống xả đáy D160 và ống hút đáy D160 sẽ đi qua ống D140, sau đó nước sẽ được bơm hút qua bơm tuần hoàn qua ống D90, tại đây nước sẽ được đi qua bồn lọc cát, nước sau lọc sẽ được đi qua bộ châm clo và pH tự động để giúp chất lượng nước ổn định, sau đó theo đường ống D90 đi tới các mắt trả nước được bố trí xung quanh

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

bể. Ngoài ra, Bể bơi của tòa nhà được lắp đặt hệ thống bình lọc có lắp đặt đồng hồ đo áp lực, bình lọc sau 1 thời gian sẽ bị tắc nghẽn, cơ sở tiến hành rửa lọc ngược với lượng nước rửa lọc phát sinh khoảng 1,5m³/lần. Trung bình 1 tháng sẽ rửa lọc ngược 1 lần, tùy vào tần suất sử dụng mà thời gian rửa lọc sẽ được điều chỉnh phù hợp. Thiết bị phục vụ cho hệ thống bể bơi được liệt kê qua bảng sau

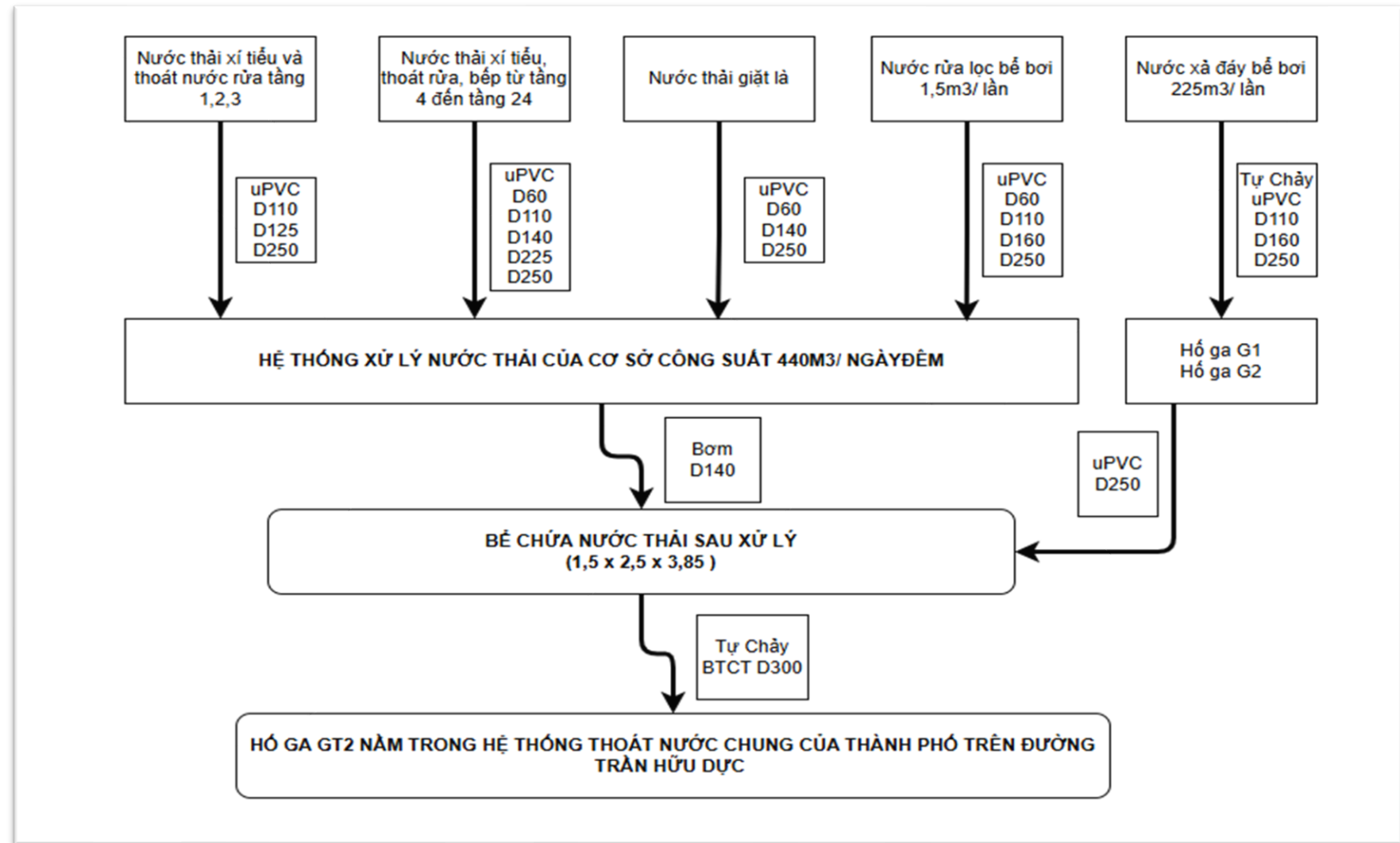
Bảng 8. Danh sách thiết bị hệ thống bể bơi của cơ sở

STT	Thiết bị	Số lượng
1	Bơm tuần hoàn công suất Q=32m ³ /h, cột áp 25m	3 cái
2	Bồn lọc cát công suất Q=32m ³ /h	3 cái
3	Đèn, đèn led xung quanh bể công suất 26W	10 cái
4	Mắt hút vệ sinh	2
5	Mắt trả nước công suất 5-7m ³ /h	16
6	Mắt thu đáy	3
7	Bộ châm Clo và pH tự động	1
8	Thanh chắn tràn	75MD
9	Thang inox 4 bậc	2

Căn cứ vào khoản 5a, điều 11 quyết định số 41/2017/QĐ-UBND quyết định được ban hành quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội, vậy lượng nước thải sinh hoạt trung bình của cơ sở là **260 m³/ngày đêm**, lượng nước phát sinh tối đa là **440m³/ ngày đêm**.

Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải của cơ sở được thể hiện qua sơ đồ sau:

Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở



Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Nước thải sinh hoạt: Bao gồm nước thải bệ xí, thoát rửa và giặt là phát sinh từ khu căn hộ, văn phòng, nhà trẻ, trung tâm thương mại.

- Nước thải từ xí tiêu các tầng 1,2,3 được dẫn theo các ống nhánh PVC D110 xuống ống gom D110, D125, D250.

- Nước thải từ bệ xí và nước thải từ tầng 4 đến tầng 24 của khối nhà được dẫn theo các ống nhánh PVC D110, Nước thải lavabo, thoát sàn các tầng được dẫn theo ống nhánh PVC D60, nước thải nhà bếp được dẫn theo các ống nhánh PVC D60. Nước thải từ các ống nhánh của nước xí tiêu, lavabo, thoát sàn, bếp được gom chung vào một đường trực đứng D140, sau đó gom về đường ống D225, D250 chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 440m³/ ngày đêm.

- Nước thải giặt là được thu theo các ống nhánh PVC D60 xuống ống gom D140, D250 tới hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải bể bơi bao gồm nước rửa lọc ngược, nước xả đáy

- Nước rửa lọc bể bơi với lưu lượng nhỏ, không chứa chất độc hại chủ yếu chứa hàm lượng ác chất cặn lơ lửng, nước thải được thu qua đường ống PVC D60, D110, D160 và đường ống đứng D250 thoát cùng nước thải xuống hệ thống xử lý nước thải.

- Nước xả đáy bể bơi được thu qua các ống D110, D160 về đường ống đứng D250 rồi thoát xuống hố ga ngoài nhà sau đó thoát cùng nước thải sinh hoạt vào hố ga GT2 nằm trong hệ thống thoát nước chung thành phố trên đường Trần Hữu Dực. (Tại vị trí 3 theo biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước số 92/BB ngày 20/09/2019 và biên bản nghiệm thu thi công đấu nối ngày 15/10/2019 giữa công ty cổ Phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành – đơn vị duy tu hệ thống thoát nước của khu vực)

Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom nước thải thể hiện qua bảng sau

Bảng 9. Tổng hợp khối lượng của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở

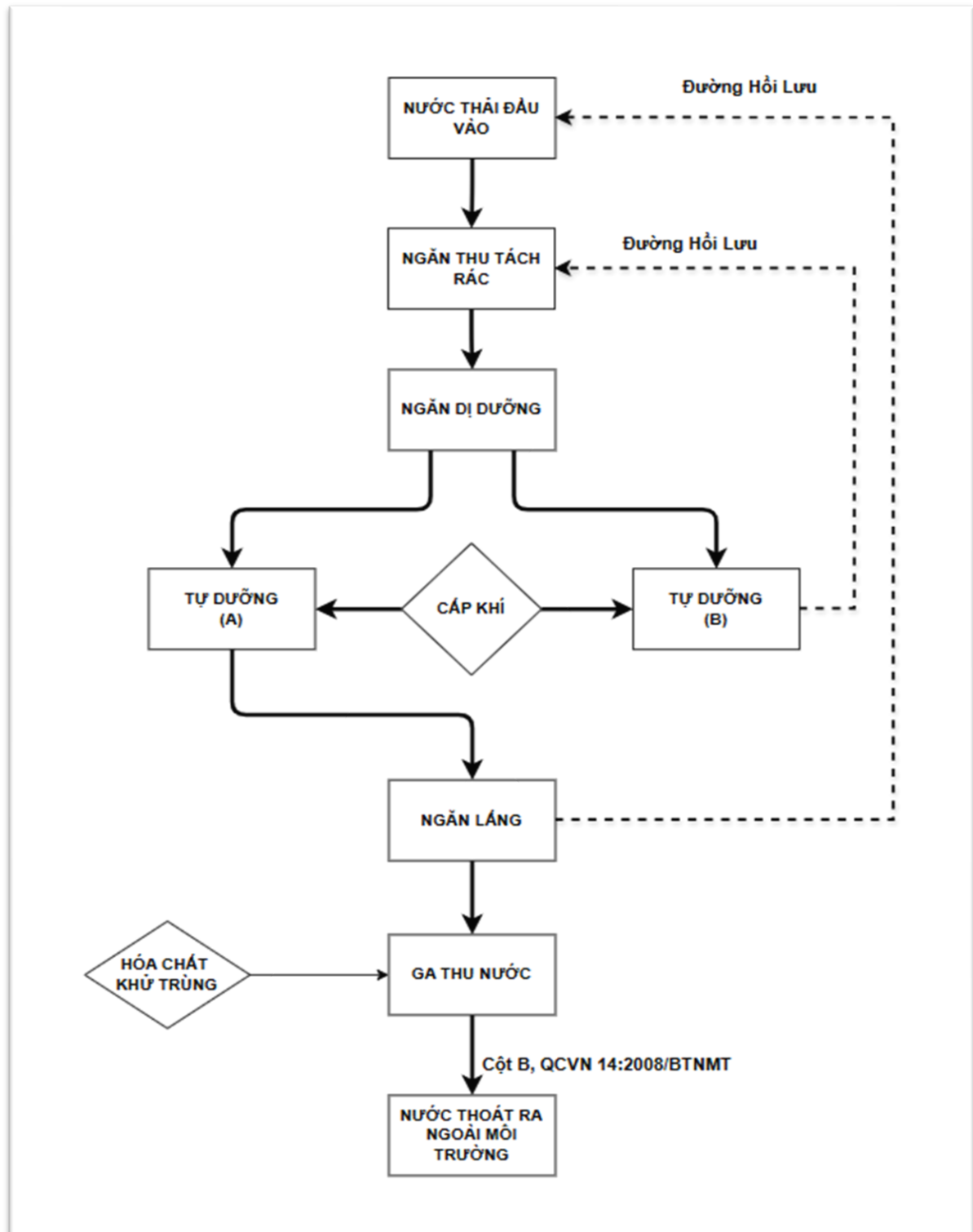
STT	MÔ TẢ THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG
1	Ống Nhánh D60	2.240 m
2	Ống Nhánh D76	1.242,1m
3	Ống Nhánh D110	3.625m
4	Ống Thoát Đứng D140	3.225,6 m
5	Ống D160	276 m

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

6	Ổng D125	326 m
7	Ổng D225	565m
8	Ổng D250	822 m

1.3. Xử lý nước thải

Hình 6. Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải



Hình 7. Nhà điều hành HTXLNT và hố ga thoát nước thải GT2 của cơ sở



Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Ngăn thu, tách rác: Toàn bộ nước thải phát sinh được dẫn về ngăn tách rác để lắng các chất vô cơ không tan (đất, cát) và tách lọc rác, làm sạch và lưu rác tại ngăn này. Rác thải được lấy định kỳ bằng phương pháp thủ công.

Ngăn sinh học dị dưỡng: Nước thải được chảy sang ngăn dị dưỡng, tại đây các phản ứng sinh hóa đã xảy ra với tốc độ cao nhờ vi sinh dị dưỡng.

Ngăn sinh học tự dưỡng: Nước sau khi xử lý ở ngăn 2 sẽ chảy vào ngăn tự dưỡng A và B. Tại các ngăn này, các hợp chất vô cơ đc tổ hợp thành các chất hữu cơ nhờ các vi sinh dạng thực vật(tự dưỡng). Chất thải hữu cơ vừa được hình thành sẽ tiếp tục sinh hủy giống quá trình ở ngăn số 2. Ngăn 3A và 3B có chức năng giống nhau, nhằm chạy song song và tăng tính tin cậy của ngăn tái tổ hợp. Tại ngăn 3B nước thải sau xử lý sẽ được hồi lưu về lại ngăn 1 để hòa loãng chất thải đầu vào, không gây ức chế cho vi sinh trong quá trình xử lý. Nước thải ở ngăn 3A tiếp tục làm việc và chảy sang ngăn lắng của quy trình. Tại các ngăn sinh học tự dưỡng, có chứa giá thể hình cầu giúp vi khuẩn tăng trưởng trên bề mặt môi trường lọc giúp nước đã tái tuần hoàn trở lại từ buồng tự dưỡng thành nito khí.

Ngăn lắng: Diễn ra quá trình lắng trọng trường, loại bỏ các thành phần không tan được trong nước. Sau khi được làm lắng tại ngăn này, nước sau lắng được chảy vào hộp đựng clo viên nén. Nước thải sẽ hòa trộn với clo trong hộp định lượng để khử trùng các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường. Các thành phần lắng dưới đáy bể được bơm tuần hoàn về ngăn thu tách rác để tuần hoàn xử lý.

Ga thu nước: Nước thải từ ngăn lắng đạt QCVN14:2008/BTNMT cột B tự chảy về ga thu nước, tại đây có bố trí đồng hồ đo lưu lượng để giám sát lưu lượng xử lý và chất lượng nước trước khi thải vào hệ thống mương thu ra nguồn tiếp nhận của thành phố. Trong trường hợp gặp sự cố về chất lượng chưa đạt về xả thải, tại vị trí ga thu nước sử dụng thêm biện pháp khử trùng nước khi xả ra ngoài môi trường.

Bảng 10. Thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình trong HTXLNT

STT	Tên Bể	Số lượng bể	Thời gian lưu nước	Kích Thước bể (m)			Thể tích (m3)	Định mức tiêu hao các công trình trong 1 ngày	
				Dài	Rộng	Cao		Nguồn tiêu hao (Hoạt động luân phiên)	Tổng
1	Ngăn thu tách rác	01	2,6	4,0	3,8	3,85	58,52	Tự chảy	
2	Ngăn dị dưỡng	01	5,8	8,35	4,0	3,85	128,59	Tự chảy	
3	Ngăn tự dưỡng (3A)	01	5,25	7,5	4,0	3,85	115,5	2 Bơm chìm cs 1,5 kW 2 Máy thổi khí 15 kW	16,5 kW
4	Ngăn tự dưỡng (3B)	01	5,25	7,5	4,0	3,85	115,5		
5	Ngăn lắng khử trùng	01	5,8	8,35	4,0	3,85	128,59	2 Bơm chìm công suất 1,5 kW	1,5 kW
6	Ga thu nước	01	-	2,5	1,5	3,85	13,86	2 Máy khuấy trộn cs 0,2kW 2 Bơm định lượng cs 0,25kW Hóa chất khử trùng 2,12kg/ngày	0,45 kW

Bảng 11. Thiết bị, máy móc, vật tư sử dụng trong hoạt động của HTXLNT

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Máy thổi khí	Cái	2	Công suất: 15kW, Cột áp: 3-4m Lưu lượng: 15m ³ /phút
2	Bơm chìm nước thải	Cái	4	Công suất: 15kW, Cột áp: 5-10m Lưu lượng: 20-30m ³ /h
3	Bơm hóa chất	Cái	2	Công suất: 0,2 kW
4	Động cơ khuấy	Cái	2	Công suất: 0,22 kW
5	Bồn nhựa pha hóa chất	Cái	2	Thể tích bồn nhựa: V=200l
6	Tủ điện	Hệ	1	Kích thước: 1200x 800x300 Công suất thiết kế: 40kW
7	Giá thể vật mang	Hệ	1	Đệm giá thể vi sinh kích thước D160
8	Ống truyền dẫn phân phối khí u.PVC, PPR	Hệ	1	D27, D48, D110
9	Ống dẫn truyền phân phối nước uPVC	Hệ	1	D110, D200
10	Quạt thông khí nhà điều hành	Cái	2	Công suất: 15kW

- Hệ thống thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý từ bể lắng và khử trùng được bơm sang bể chứa nước thải sau xử lý sau đó tự chảy qua đường ống BTCT D300 vào hố ga GT2 nằm trong hệ thống thoát nước chung thành phố Trần Hữu Dực.

Nước thải xả đáy bể bơi tự chảy theo đường ống D250 thu xuống hố ga HG1, HG2 sau đó chảy vào bể chứa nước thải sau xử lý thoát cùng nước thải sinh hoạt qua đường ống BTCT D300 vào hố ga GT2 nằm trong hệ thống thoát nước chung thành phố Trần Hữu Dực.

Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000)

$$X = 232651$$

$$Y = 578904$$

Phương thức xả thải: Tự chảy

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Chế độ xả nước thải sinh hoạt và nước xả bể bơi: Gián đoạn

Lưu lượng xả lớn nhất: 665m³/ ngày đêm trong đó

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt: 440m³/ ngày đêm

- Lưu lượng xả nước bể bơi: 225 m³/ ngày đêm

Chất lượng nước xả thải

- Đối với nước sinh hoạt: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt – QCVN14:2008/BTNMT tại cột B, K = 1

- Đối với nước xả bể bơi: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội – QCTĐHN 02:2014/BTNMT tại cột B với C_{max} = C (đối với các thông số: pH, Màu, Tss, Clo dư và Coliform)

Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải.

1. Hiệu quả xử lý

Chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định (ví dụ: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B), đảm bảo các thông số như BOD, COD, TSS, Amoni, Tổng Ni-tơ, Tổng Phốt-pho, Coliform...

Hiệu suất xử lý ổn định, ít biến động theo thời gian, đặc biệt trong điều kiện thay đổi lưu lượng hoặc tải trọng ô nhiễm.

Hiệu quả vi sinh duy trì tốt nhờ kiểm soát dinh dưỡng (C:N:P), pH và DO hợp lý.

Quá trình khử trùng đạt yêu cầu, hạn chế mùi và mầm bệnh.

2. Mức độ phù hợp

Công nghệ xử lý phù hợp với đặc điểm nguồn nước thải, lưu lượng và tải lượng ô nhiễm đầu vào.

Thiết kế công trình phù hợp với quy mô và điều kiện mặt bằng, không gian xây dựng.

Đáp ứng được yêu cầu về quy định pháp lý, tiêu chuẩn môi trường, và định hướng phát triển bền vững.

Dễ tích hợp với các hệ thống phụ trợ như xử lý mùi, thoát nước, thu gom bùn thải.

3. Khả năng đáp ứng yêu cầu vận hành

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Hệ thống vận hành đơn giản, dễ kiểm soát, có thể tự động hóa một phần hoặc toàn phần.

Đội ngũ vận hành dễ dàng tiếp cận công nghệ, quy trình vận hành rõ ràng.

Chi phí vận hành hợp lý, bao gồm điện năng, hóa chất, nhân công, bảo trì.

Tính linh hoạt cao, có thể mở rộng hoặc điều chỉnh công suất khi cần thiết.

Có khả năng ứng phó với sự cố như quá tải, mất điện, thay đổi đột ngột về thành phần nước thải.

Công tác thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

1. Kế hoạch và tần suất thực hiện

Công trình có lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo tuần, tháng, quý, năm tùy từng hạng mục và thiết bị

Tần suất duy tu thiết bị được thực hiện đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và thực tế vận hành

Có thực hiện kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của các thiết bị như bơm, máy thổi khí, máy khuấy, tủ điện, đồng hồ đo, hệ thống khử trùng...

2. Công tác thực hiện thực tế

Các công việc vệ sinh bể, súc rửa đường ống, bảo trì bơm, thổi khí, máy khuấy, tủ điện, hệ thống xử lý mùi, kiểm tra động cơ, được thực hiện đầy đủ và có nhật ký ghi chép rõ ràng.

Hệ thống được vệ sinh định kỳ, đặc biệt là các thiết bị dễ bám cặn như máy thổi khí, bơm bùn, bơm hóa chất.

Dự phòng thiết bị thiết yếu. Thay thế kịp thời các thiết bị, linh kiện hư hỏng hoặc xuống cấp, không làm gián đoạn vận hành hệ thống.

3. Nhân lực và hồ sơ theo dõi

Nhân sự vận hành có kỹ năng cơ bản về kiểm tra, bảo trì thiết bị, được đào tạo thường xuyên, hồ sơ nhật ký bảo trì

Có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp thiết bị khi cần sửa chữa chuyên sâu hoặc kiểm tra định kỳ.

4. Đánh giá chung

Công tác duy tu, bảo dưỡng và thay thế thiết bị được thực hiện tương đối đầy đủ, góp phần đảm bảo vận hành ổn định và hiệu quả của toàn bộ hệ thống.

Hạn chế tối đa sự cố gây dừng hệ thống hoặc ảnh hưởng chất lượng nước đầu ra.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, giao thông.

Đã tổ chức thực hiện trồng cây xanh, cây phù hợp với khuôn viên của cơ sở mang lại hiệu quả thiết thực trong việc giảm thiểu các tác động đến môi trường không khí như: tạo bóng mát, điều hòa môi trường vi khí hậu tại khu vực. Cây xanh còn có tác dụng che chắn, ngăn bớt bức xạ mặt trời (10 -90%), hút và giữ bụi (20 – 60%), giảm các khí độc hại (35-50%) và tiếng ồn (15-18 dBA). Hệ thống cây xanh đã trồng trong khu vực cơ sở được quy hoạch và trồng mới theo TCXDVN 9257:2012

Yêu cầu các phương tiện ra vào tầng hầm tòa nhà tuân thủ các quy định. Bố trí các khu đậu đỗ xe khách, xe của CBCNV của từng khu vực cho hợp lý và xây dựng nội quy đậu đỗ xe nhằm tránh ảnh hưởng tới khói thải, bụi đất, tai nạn giao thông do các phương tiện này gây ra. Khu đỗ xe thiết kế thông thoáng nhằm đảm bảo khả năng thông gió các tầng

Bố trí hệ thống quạt hút khí mỗi tầng hầm, hệ thống thông gió bãi đỗ xe được bù đắp không khí sạch , khí tươi được tràn vào tự nhiên qua tháp lấy gió, dốc xuống hầm và quạt hút gió.

2.2. Đối với khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

Cơ sở có 01 máy phát điện dự phòng, đặt tại tầng hầm. Hiện tại máy được lắp đặt tại khu vực kỹ thuật riêng, có cách âm và có ống dẫn khí thải. Máy chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện, sử dụng không thường xuyên, vì thế lượng khí thải phát sinh ít,

không gây ảnh hưởng đến môi trường.



Hình 8. Máy phát điện dự phòng của cơ sở

2.3. Đối với khí thải và mùi từ bếp nấu

Sử dụng hệ thống phễu chụp hút, miệng phễu có kích thước 1,5m x 0,7m, xử lý bằng hệ thống tách hơi dầu mỡ, khi khí thải đi qua lưới lọc mỡ của phễu chụp hút, dầu mỡ được lắng đọng lại trong khay chứa bên trong phễu sau đó dẫn theo đường ống Ø200 thải ra môi trường. Lượng dầu mỡ lắng đọng trong khay được định kỳ thu gom 1 lần/ngày và được xử lý theo quy định.

2.4. Đối với khí thải và mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

Cơ sở có lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được đặt tại tầng mái R2. Đường ống khí thải đi theo đường ống uPVC dẫn lên, được đấu nối với đường ống đầu vào Ø200. Công nghệ sử dụng là phương pháp hấp phụ bằng vật liệu than hoạt tính, khối lượng sử dụng 25kg, độ dày lớp vật liệu 152mm, tần suất thay vật liệu 3 tháng/ lần.

Nguyên tắc hoạt động của hệ thống cụ thể như sau: Khí thải được thu theo hệ đường ống dẫn uPVC, nhờ quạt lý tâm cao áp khí thải được đẩy vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, kích thước hạt từ 1-4mm, các chất gây mùi được than hoạt tính giữ lại và đẩy không khí sạch ra bên ngoài môi trường. Khí thải sau khi xử lý đạt QCTĐHN

01:2014/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Bảng 12. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Tháp xử lý mùi	Inox 304 dày 2mm, trụ tròn kích thước $\varnothing 700$, H = 1850mm	1 Cái
2	Quạt ly tâm cao áp	Động cơ Tomeco Q = 2300m ³ /h P = 2000pa	2 Cái
3	Hệ thống thu dẫn, tủ điện điều khiển, khung bệ giá đỡ	Đồng bộ theo thiết bị	1 Hệ



Hình 9. Hệ thống xử lý mùi hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Do cơ sở là tòa nhà phục vụ mục đích căn hộ, thương mại dịch vụ nên cơ sở không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể như sau:

Khu vực căn hộ tự thu gom, rác được lưu chứa tại phòng chứa rác riêng của mỗi tầng, có diện tích khoảng 4m², bố trí 2 thùng nhựa chứa có dung tích 240l, dán nhãn phân loại rác vô cơ và hữu cơ.

Khu vực dịch vụ thương mại: bố trí các thùng chứa rác nhỏ dung tích 60L, mỗi vị trí đặt 2 thùng rác phân loại vô cơ và hữu cơ, đặt dọc theo hành lang, lối đi thuận tiện cho việc bỏ rác của khách ra vào khu vực

Khu vực nhà trẻ, bể bơi được bố trí các thùng rác dung tích 60l, đặt xung quanh các vị trí dễ thu gom.

Khu vực công cộng: Đặt các thùng chứa rác dung tích 40l mỗi vị trí đặt 2 thùng rác phân loại vô cơ và hữu cơ, tại hành lang và những nơi phù hợp

Hàng ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, đưa về phòng chứa rác tập trung tại tầng 1 của tòa nhà bằng thang máy riêng biệt. Diện tích phòng chứa khoảng là 22,68m² tại tầng 1 tòa nhà 1 và 20,64m² tại tầng 1 tòa nhà 2, bố trí các xe đẩy bằng thép để vận chuyển rác thải, nền bê tông, lỗ thông gió, có gờ chắn tránh rác thải sàn và rơi vãi ra ngoài.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số: HDKL/07240195 giữa công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị Hà Nội chi nhánh cầu Diễn về việc tổ chức hút và vận chuyển chất thải tại tòa nhà chung cư Florence.

Bảng 13. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở

Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
46m ³ / tháng	46m ³ / tháng	46m ³ / tháng

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- **Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và bể phốt** được cơ sở ký hợp đồng nguyên tắc số: 05/2024/HĐNT/H&VCCT giữa ban quản trị tòa nhà chung cư Florence và công ty TNHH kỹ thuật môi trường đô thị Hà Nội về việc tổ chức hút và vận chuyển chất thải tại tòa nhà chung cư Florence với tần suất 3 tháng 1 lần.

- **Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở** được tiến hành phân loại tại nguồn sau đó được tập kết về khu lưu chứa là kho chất thải nguy hại đặt tại tầng hầm B3 có diện tích 6,27m² của cơ sở. Cơ sở ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 30240050/XL giữa công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty TNHH môi trường Ngôi Sao Xanh, đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển là 2 lần/năm.

Kho lưu chứa được xây dựng bằng gạch, trá xi măng cát, nền tôn cao hơn cos, nền bằng bê tông, có gờ chắn để tránh chất thải tràn lan rơi vãi ra bên ngoài. Bên cạnh kho có bố trí thiết bị bình cứu hỏa, nội quy, tiêu lệnh PCCC.

Các thùng chứa CTNH được lưu giữ riêng cho từng loại, cho từng mã CTNH khác nhau, dung tích thùng chứa là 200L, tổng 8 thùng chứa. Trên các thùng được dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phụ lục III, thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Bảng 14. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH của cơ sở năm 2024

Stt	Tên Ctnh	Mã Ctnh	Trạng Thái	Khối Lượng (kg/năm)
1	Giẻ găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	08
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	22
3	Dầu máy tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	08
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	Rắn	14
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	06
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	09
7	Pin, ác quy thải	16 01 12	Rắn	75
8	Thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	6.5
9	TỔNG			148.5 (kg/năm)



Hình 10. Kho chứa chất thải nguy hại tại tầng hầm B3 của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn vận hành Cơ sở do các phương tiện giao thông, hoạt động của các thiết bị, máy móc từ khu xử lý nước thải, hoạt động của máy phát điện. Để hạn chế tác động này, Chủ cơ sở phối hợp với ban quản lý thực hiện các biện pháp sau để đáp ứng được QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ ồn (Khu vực thông thường) và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn (Khu vực thông thường)

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông

Biện pháp quy hoạch

Tại hầu hết các khu đất trống trong khu vực cơ sở, bố trí các loại cây xanh bóng mát, tạo cảnh quan và giảm tiếng ồn và giảm tác động đến khách hàng và cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở..

Biện pháp giảm thiểu đối với các phương tiện giao thông:

Hạn chế các phương tiện vận tải có trọng tải lớn ra vào khu vực Cơ sở.

Các phương tiện của khách ra vào khu vực phải theo hướng dẫn của ban quản lý, bố trí các nhà để xe, lối ra – vào theo một chiều hợp lý.

Các phương tiện vận chuyển hàng hóa, phương tiện giao thông: xe ô tô chạy với tốc độ chậm, không bấm còi inh ỏi gây ồn cho khu vực xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện:

Máy phát điện của Cơ sở chỉ vận hành khi mất điện lưới; nên tiếng ồn của máy phát điện là nguồn ô nhiễm không liên tục, mức độ tác động đến môi trường không khí là không đáng kể. Tuy vậy, để giảm tác động của độ rung và tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- + Các chân đế, bộ máy sẽ được gia cố bằng bê tông chịu lực cao.
- + Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.
- + Trang bị các vật dụng cá nhân cho công nhân vận hành, tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong xử lý nước thải

- + Khu vực xử lý nước thải được đặt tại tầng hầm, khả năng cách âm tốt, không ảnh hưởng đến khu vực cư dân sinh hoạt.

+ Các thiết bị được lắp đặt đúng biện pháp kỹ thuật để giảm ồn; đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bộ máy, và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.

Biện pháp giảm tiếng ồn từ hệ thống điều hòa, thông gió

Đối với hệ thống điều hòa, thông gió tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các động cơ, thiết bị và do quá trình vận động, va chạm của các dòng khí trong ống gió, cửa gió. Để giảm thiểu tiếng ồn do hoạt động của hệ thống điều hòa thông gió, Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

Về giải pháp thiết kế: Cơ sở lựa chọn các thiết bị (FCU, AHU, quạt, giàn lạnh điều hòa) có độ ồn nhỏ.

Về vận hành thiết bị: Cơ sở thường xuyên có chế độ bảo dưỡng định kỳ thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất như: tra dầu mỡ, bôi trơn các ô bi, ổ trục, cân bằng động lại cánh quạt...

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng chống cháy nổ

Để ngăn ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất các hậu quả do cháy gây ra, tránh được các thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng môi trường Chủ cơ sở phối hợp với Ban quản lý thực hiện các biện pháp sau:

- + Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị phòng chống cháy nổ như: bể nước, thiết bị báo cháy, dây dẫn nước, bình xít... kịp thời thay thế, bổ sung khi bị hỏng, mất mát.
- + Tổ chức tập huấn PCCC cho người dân, nhân viên đồng thời phối hợp với cảnh sát PCCC của khu vực khi xảy ra sự cố cháy nổ lớn.
- + Trang bị các thiết bị, phương tiện chữa cháy hiện đại như chuông báo cháy tự động, bình bột, bình khí cùng với các thiết bị thủ công như bơm tay, các bình xít...
- + Dự trữ nước PCCC đảm bảo đủ sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố.

6.2. Ứng phó với sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải

a. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với trạm XLNT

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố trong vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải như sau:

- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật.
- + Thường xuyên kiểm tra các hệ thống đường ống để phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời. Khi phát hiện đường ống có hiện tượng rò rỉ, cần kịp thời ngừng hoạt động của thiết bị (bơm hoặc máy thổi khí) để sửa chữa và khắc phục ngay.
- + Duy tu, bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị tại trạm XLNT.
- + Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và sửa chữa kịp thời khi xảy ra sự cố hỏng hóc.

b. Các kịch bản và biện pháp ứng phó sự cố nước thải

Lưu lượng nước thải nhỏ, hệ thống xử lý nước thải vận hành theo chế độ non tải

Hệ thống xử lý nước thải cơ sở với hệ thống tủ điện điều khiển cho phép hệ thống vận hành theo 2 chế độ: vận hành bằng thủ công bằng tay (M) và chế độ tự động (A). Tùy theo mục đích sử dụng, lưu lượng nước thải có thể vận hành theo từng chế độ để hệ thống vận hành hiệu quả nhất.

Trường hợp khi lưu lượng nước thải từ khoảng 150 -300 m³/ngày (tương đương với trên 50% công suất hệ thống xử lý): hệ thống xử lý nước thải chạy theo chế độ vận hành tự động.

Ở chế độ vận hành tự động các thông số cài đặt như: thời gian đổi bơm, thời gian chạy nghỉ, mức phao, trạng thái thiết bị (chạy, dừng, báo lỗi), chế độ đóng mở của các van điện, ... được cài đặt sẵn theo chương trình đã cài đặt và hiện thị trên màn hình điện tử, thuận tiện cho người vận hành theo dõi, giám sát.

Dưới 50% công suất hệ thống xử lý (hệ thống vận hành non tải): hệ thống xử lý nước thải chạy theo chế độ vận hành thủ công bằng tay, chuyển các công tắc của các thiết bị từ chế độ tự động sang chế độ thủ công và chạy thủ công các thiết bị thông qua bảng điều khiển của tủ điện.

Bơm bùn tuần hoàn bể tự dưỡng: Hoạt động của bơm được kiểm soát kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của máy trên tủ điện. Ở chế độ Auto, bơm này hoạt động bơm hoạt động toàn thời gian, ở chế độ thủ công cán bộ kỹ thuật theo dõi lượng bùn tại bể tự dưỡng và khởi động bật bơm.

Máy thổi khí: Hoạt động của máy thổi khí được kiểm soát kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của máy trên tủ điện. Ở chế độ Auto, máy thổi khí hoạt động toàn thời

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

gian theo cài đặt trong bộ điều khiển PLC, ở chế độ thủ công 02 máy chạy luân phiên, 01 máy dự phòng, thời gian đổi máy chạy là 3 giờ.

Căn cứ theo lưu lượng nước thải hàng ngày, mỗi hạng mục được hoạt động độc lập hoặc hoạt động song song theo dõi, điều khiển qua hệ thống tủ điện và bảng điện điều khiển đặt tại phòng kỹ thuật của trạm xử lý nước thải.

Trong quá trình vận hành thủ công, cơ sở cử 01 cán bộ kỹ thuật liên tục theo dõi hệ thống xử lý nước thải để có những điều chỉnh phù hợp với thực tế quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Quy trình ứng phó sự cố liên quan đến nước thải như sau:

Bước 1: Sau khi phát hiện sự cố, bộ phận kỹ thuật phối hợp với các bộ phận khác để khắc phục sự cố.

Bước 2: Tiến hành rà soát dây chuyền công nghệ xử lý để tiến hành khắc phục.

- + Trường hợp 1: Thiết bị của hệ thống xử lý nước thải không hoạt động, hư hỏng
- + Trường hợp 2: Hệ thống vi sinh của HTXL nước thải gặp sự cố

Bước 3: Hoạt động xả thải được tiếp tục chỉ khi sự cố của HTXL nước thải đã được khắc phục, đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật.

Các trường hợp sự cố đối với các công trình thu gom, xử lý nước thải và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải được xây dựng cụ thể như sau:

Trường hợp 1: Thiết bị của hệ thống không hoạt động, hư hỏng

Bảng 15. Sự cố và biện pháp ứng phó sự cố xử lý nước thải do thiết bị

Các sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó sự cố
Hệ thống điện	Mất pha toàn tủ hoặc thiết bị Nhảy relay và các CP các thiết bị bên trong tủ điều khiển	1./ Dừng hệ thống, kiểm tra các nguồn điện vào tủ và từng thiết bị. (Nếu cảm thấy không an toàn thì gọi bộ phận bảo trì điện) 2./ Dừng hệ thống kiểm tra các động cơ và hệ điều khiển (Nếu cảm thấy không an toàn thì gọi bộ phận bảo trì điện)
Máy thổi khí 1./Máy chạy nhưng không có khí ra hệ thống hoặc có nhưng ít. 2./Máy không chạy được hoặc chạy được nhưng phát ra tiếng kêu lạ và to	1./ Tụt áp máy thổi khí: động cơ không đủ sức kéo, hệ không (trái khế) bên trong máy thổi khí mòn, có điểm đứt gãy, rò rỉ trên đường ống trên cạn (tình trạng này sẽ có tiếng khi dòng khí ra ngoài và rất dễ phát hiện. 2./ Áp suất khí tăng làm máy chạy hú. Các không và bạc đạn mòn hoặc hư một phần (tình trạng này kéo dài rất nguy hiểm cho hệ thống. Hư đầu thổi khí và cháy động cơ truyền động	1./ Xem lại động cơ kéo (nhờ bộ phận điện kiểm tra). Mời đơn vị chuyên cung cấp sửa chữa và bảo trì hoặc có thể thay thế. Xử lý các điểm đứt gãy rò rỉ. 2./ Dừng máy kiểm tra từng phần hoặc mời đơn vị chuyên cung cấp sửa chữa và bảo trì hoặc có thể thay thế. (Trường hợp này còn nguy cơ gây hư hại các thiết bị điện trong hệ thống).

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Các sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó sự cố
Các bơm chìm 1./ Giảm lưu lượng và áp suất. 2./ Làm nhảy các thiết bị điện điều khiển	1./ Động cơ giảm tuổi thọ, kẹt rác tại lồng và cách bơm, tại các thiết bị đi kèm. 2./ Nguy cơ quá tải động cơ hoặc cháy động cơ,	1./ Cắt nguồn điện. Tháo động cơ đem lên vệ sinh, kiểm tra lấy rác cho bơm và các thiết bị đi kèm như van 1 chiều, khớp nối ...2./ Cắt nguồn điện. Tháo động cơ đem lên nhờ kiểm nhờ bộ phận bảo trì kiểm tra và sửa chữa, thay thế.
Bơm định lượng hóa chất 1./ Lưu lượng không đủ, không hút được, không đẩy được. 2./ Động cơ không hoạt động	1./ Do độ nhớt của hóa chất, lúp bê hút, màng bơm, áp suất đầu ra. 2./ Động cơ quá tải hoặc cháy	1./ Kiểm tra độ nhớt của hóa chất (polymer) cần thiết thì pha loãng hơn, vệ sinh lúp bê đầu hút, màng bị bám hóa chất giảm công năng, đầu ra có áp suất cao cần khắc phục giảm áp. 2./ Ngưng hoạt động động cơ nhờ bảo trì kiểm tra xử lý.

Trường hợp 2: Hệ thống xử lý vi sinh gặp sự cố**Bảng 16. Sự cố và biện pháp ứng phó sự cố vi sinh xử lý nước thải**

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó sự cố
1. Bùn nổi trên bề mặt	1a: Vi sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	(1) Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn. (2) Bỏ sung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt tỷ số: BOD:N:P:Fe=100:5:1:0,5.

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó sự cố
	1b: Quá trình Denitrat hóa xảy ra chưa hiệu quả; các bóng khí Nitơ xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước.	1b: (1) Tăng tốc độ bùn hồi lưu (sẽ tăng tải trọng thủy lực của bể lắng và giảm thời gian lưu). Đồng thời tăng thời gian hồi lưu bùn..
2. Váng bọt màu nâu đen bên vũng trong bể vi sinh	F/M quá thấp.	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra cẩn thận.
3. Lớp sóng bọt trắng dày trong bể xử lý	3a: MLSS quá thấp.	3a: Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M.
	3b: Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	3b: Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
4. Bùn trong bể vi sinh có xu hướng trở nên đen.	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	(1) Tăng sự thông khí bằng cách đặt thêm máy thổi khí khác để hỗ trợ. (2) Giảm tải trọng bằng cách đặt thêm một bể thông khí để hỗ trợ. (3) Kiểm tra hệ thống ống thông khí bị rò rỉ? (4) Rửa sạch những đầu phân phối khí bị tắc hoặc lắp thêm những đầu khác nếu có thể. (5) Tăng công suất máy thổi khí.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Cơ sở không thực hiện nội dung này. Cơ sở không có sự thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở không thực hiện nội dung này. Cơ sở không có sự thay đổi so với giấy phép xả thải nước thải vào nguồn nước.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thực hiện nội dung này

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cơ sở
- Nguồn số 02: Nước xả kiệt bể bơi

Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả thải lớn nhất của cơ sở là 665m³/ ngày đêm trong đó

Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất: 440m³/ ngày đêm

Lưu lượng xả nước bể bơi lớn nhất: 225m³/ ngày đêm

Dòng nước thải:

02 dòng nước thải xả ra môi trường tiếp nhận

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B, K=1

- Đối với nước xả bể bơi: Thông số và giá trị của các thông số trong nước xả bể bơi không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải trên địa bàn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, C_{max}=C

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B, K=1, giới hạn ô nhiễm được thể hiện như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 14:2008/ BTNMT/B với K =1	QCVN 14:2025/ BTNMT/C với K =1
1	pH	-	5-9	5-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	50	≤ 40
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	≤ 70
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000	-
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	4	≤ 0,5

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10	≤ 10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50	-
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	≤ 20
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	≤ 10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10	-
11	Coliform	MPN/100ml	5000	≤ 5000

- Đối với nước xả bể bơi: Thông số và giá trị của các thông số trong nước xả bể bơi không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải trên địa bàn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, C_{max}=C, giới hạn ô nhiễm các chỉ tiêu nước xả bể bơi được thể hiện như sau:

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	QCTĐHN 02:2014/BTNMT
1	pH	-	5,5-9
2	Độ màu	mgPtCo/L	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Clo dư	mg/L	2
5	Coliform	MPN/100mL	5.000

Vị trí xả nước thải: Tại số 28 lô X3 đường Trần Hữu Dực, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tọa độ X = 232351

Y= 578904

Phương thức xả thải: Tự chảy

Chế độ xả nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước xả bể bơi: Gián đoạn

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội.

2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải

Cơ sở không đề nghị xin cấp phép với nội dung này

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, động rung:

Nguồn phát sinh

Nguồn số 1: Từ máy phát điện dự phòng (đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện trong trường hợp mất điện)

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 1: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng của cơ sở

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 48

Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**Giới hạn đối với tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

Tiếng ồn cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn (Khu vực thông thường) cụ thể như sau:

Giới hạn đối với độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

Độ rung cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ ồn (Khu vực thông thường)

4. Nội dung đề nghị cấp giấy phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình hoạt động của cư dân, kỹ thuật của cơ sở

Vị trí lưu chứa: kho chất thải nguy hại đặt tại tầng hầm B3 có diện tích 6,27m²

Tần suất vận chuyển: 2 lần/ năm

Thành phần và khối lượng phát sinh

Stt	Tên Ctnh	Mã Ctnh	Trạng Thái	Khối Lượng (kg/năm)
1	Giẻ căng tay dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	08
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	22
3	Dầu máy tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	08
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	Rắn	14
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	06
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	09
7	Pin, ác quy thải	16 01 12	Rắn	75
8	Thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	6.5

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

9	TỔNG	148.5 (kg/năm)
---	-------------	-----------------------

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Cơ sở không xin cấp phép đối với nội dung này

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- **Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:**
 - + Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Cơ sở đã thực hiện lập và được phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định.
 - + Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm
 - + Hệ thống xử lý nước thải: Cơ sở đã xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT
 - + Chương trình quản lý chất thải rắn: Các loại chất thải sinh hoạt, nguy hại được phân loại, thu gom và chuyển giao đến đơn vị chứng nhận hợp pháp.
 - + Kiểm tra, quan trắc môi trường: Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt, nước xả bể bơi theo đúng quy định
- **Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền:**
 - + Báo cáo công tác bảo vệ môi trường nộp Sở Tài nguyên và môi trường và phòng tài nguyên và môi trường quận Nam Từ Liêm
 - + Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

2.1. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở

Bảng 17. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở (m3/tháng)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
2023	6018	6255	6432	6189	6254	6301	6174	6377	6261	6115	6265	6317	74958
2024	6115	6132	6252	6255	6264	6249	6206	6302	6375	6202	6305	6225	74882

2.2. Nước thải sinh hoạt

Bảng 18. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Kết quả quan trắc
----	----------	-------------------

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

		Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Đợt 6	Đợt 7	Đợt 8	Giá trị giới hạn
1	pH	-	7,34	7,4	7,32	7,34	7,29	7,32	6,41	7,32	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	38	45	23,1	22,2	82,3	427	10	49,9	50
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	435	437	43	85	410	1,4	20	82,3	100
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24	22,3	426	424	49,9	0,33	377	769	1000
5	Nitrat (tính theo N)	mg/l	14,46	14,64	0,49	0,43	8,72	0,69	0,21	3,6	4
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	5,76	5,49	8,85	7,26	6,66	10	4,73	9,8	10
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,55	0,54	14,68	9,28	0,4	20	0,33	8,72	50
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,24	9,02	2,0	2,2	9,8	0,21	1,4	3,1	20
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	1,6	2,3	1,43	1,37	2,6	9,4	0,277	1,49	10
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,42	1,56	5,63	4,63	1,49	2,22	2,22	6,7	10
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.500	2.900	2800	2700	3100	3.900	2.200	4.000	5000

Ghi chú:**Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng****Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 52**

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

Đợt 1: Quý 1 năm 2023	Đợt 5: Quý 1 năm 2024
Đợt 2: Quý 2 năm 2023	Đợt 6: Quý 2 năm 2024
Đợt 3: Quý 3 năm 2023	Đợt 7: Quý 3 năm 2024
Đợt 4: Quý 4 năm 2023	Đợt 8: Quý 4 năm 2024

Vị trí lấy mẫu: Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Chung cư.

QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
Nhận xét: Các thông số đều đảm bảo thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Nhận xét và đánh giá:

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2024, ta có:
- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT Cột B.

2.3. Nước xả bể bơi

Bảng 19. Kết quả quan trắc nước thải bể bơi

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	NTBB			QCTĐHN 02:2014/BTNMT
			20/11/2023	23/09/2024	01/11/2024	
1	pH	-	7,18	7,56	6,08	5,5-9
2	Độ màu	mgPtCo/L	6,1	10,1	6,19	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	<2	<3	49,8	100
4	Clo dư	mg/L	<0,1	0,727	0,603	2
5	Coliform	MPN/100mL	2100	3,6	1,8	5.000

- NTBB: Nước thải bể bơi;
- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;

Nhận xét và đánh giá:

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải bể bơi tại miệng ống PVC D250 sau khi xả kiệt bể bơi, ta có: Kết quả phân tích nước thải bể bơi cho thấy: Tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không thực hiện nội dung này.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

Cơ sở không thực hiện nội dung này

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):

Cơ sở không thực hiện nội dung này

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: 552m³/ năm

Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại: 148.5 (kg/năm)

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Thực hiện quyết định số 1237/QĐ-STNMT-KSONMT ngày 06/12/2024 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội về việc kiểm tra chấp hành Luật bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ngày 17/12/2024, Đoàn kiểm tra đã tiến hành làm việc đối với dự án: Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng tại số 28 Trần Hữu Dực , p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, Hà nội do công ty Cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội làm chủ cơ sở. Cơ sở đã chấp hành đầy đủ các hồ sơ pháp lý về Luật bảo vệ môi trường và có các biện pháp để xử lý các nguồn thải như nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và khí thải, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN
TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chủ cơ sở sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường và tuân thủ theo điều 46 của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành

STT	Tên Công Trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 440 m3/ ngày đêm	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	60%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Căn cứ vào khoản 5, điều 21 thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3, phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn), việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải, do đó cơ sở dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm như sau:

Bảng 21. Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	THỜI GIAN	TẦN SUẤT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	THÔNG SỐ QUAN TRẮC
-----	-----------	----------	----------------	--------------------

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

1	3 ngày liên tiếp trong gian đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu/ngày	Vị trí xả thải tại số 28 lô X3 đường Trần Hữu Dực, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, HN	Toàn bộ các chỉ tiêu theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
---	--	-------------	--	--

Đơn vị dự kiến phối hợp: Công ty cổ phần tư vấn địa kỹ thuật và môi trường là đơn vị có chức năng được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường – VIMCRETS 331 tiến hành thực hiện lấy mẫu và phân tích trong quá trình vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**2.1. Chương trình quan trắc định kỳ****- Quan trắc nước thải sinh hoạt:**

Theo quy định tại điểm b, điều 97 và phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở là 440m³/ ngày đêm nhỏ hơn 500m³/ ngày đêm vì thế cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Tuy nhiên để theo dõi hoạt động, hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải và phục vụ công tác quan trắc môi trường định kỳ, cơ sở cam kết thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải như sau:

+ Vị trí giám sát: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy vào bể nước thải.

Tọa độ X = 232351 Y= 578904

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh và thông số giám sát: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K =1 với các chỉ tiêu quan trắc như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	5-9

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 56

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Coliform	MPN/ 100ml	5000

- Quan trắc xả bể bơi:

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí miệng đường ống PVC D250 trước khi chảy vào bể chứa nước thải.

Tọa độ X = 232351

Y= 578904

+ Tần suất giám sát: 1 năm/ lần

+ Quy chuẩn so sánh và thông số giám sát: Thông số và giá trị của các thông số trong nước xả bể bơi không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải trên địa bàn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, C_{max} = C với các thông số như sau:

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	QCTĐHN 02:2014/BTNMT
1	pH	-	5,5-9
2	Độ màu	mgPtCo/L	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Clo dư	mg/L	2
5	Coliform	MPN/100mL	5.000

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Cơ sở không thực hiện nội dung này

Cơ Sở: Tổ Hợp Nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại Và Văn Phòng

Địa chỉ: Số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội 57

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn đủ năng lực để thực hiện việc quan trắc chất lượng nước thải định kỳ (nước thải sau khi xử lý). Kinh phí giám sát tính theo đơn giá quan trắc tại quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kinh phí bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải: căn cứ vào tình trạng máy móc thiết bị sử dụng để bố trí kinh phí phù hợp. Dự kiến kinh phí, nhân lực thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt khoảng 40tr/ năm

Bảng 22. Kinh phí thực hiện quan trắc nước thải

TT	Nội dung	Kinh phí(đồng)/năm	Thời gian
1	Hút bùn thải	10.000.000	6 tháng/lần
3	Quan trắc nước thải	20.000.000	6 tháng/lần

Chương VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết

Chủ cơ sở xin cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị xin cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác liên quan. Các tác động này sẽ được cơ sở thực hiện và cam kết như sau:

Khống chế nguồn gây ô nhiễm nước:

- + Cam kết duy trì, đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.
- + Nước mưa sau khi thu gom sẽ được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực
- + Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K =1
- + Nước xả bề bơi có Thông số và giá trị trong nước xả bề bơi không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải trên địa bàn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, C_{max} = C

Thu gom và quản lý chất thải rắn

Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường tại quyết định số 16/2013/QĐ – UBND ban hành ngày 03/06/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về quản lý chất thải rắn thông thường. Chủ cơ sở tiếp tục phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom hằng ngày và vận chuyển chất thải rắn không gây nguy hại đến nơi xử lý đúng theo quy định.

Thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

Tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển chất thải rắn nguy hại đến nơi xử lý

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

theo đúng qui định. Các chất thải nguy hại khi bàn giao cho các đơn vị thu gom vận chuyển sẽ quản lý theo bộ Chứng từ quản lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo đúng quy định.

Khống chế ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đảm bảo các quy chuẩn sau:

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Ngoài ra cơ sở còn cam kết những cam kết khác như sau:

- + Chương trình quan trắc: lập hồ sơ giám sát như trình bày và tổ chức giám sát, quan trắc chất lượng môi trường của cơ sở, có những biện pháp xử lý kịp thời đối với các kết quả giám sát không đạt tiêu chuẩn. Cam kết gửi báo cáo quan trắc định kì đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- + Cam kết không khai thác nước dưới đất dưới bất cứ hình thức nào.
- + Cam kết trong quá trình triển khai hoạt động nếu có những điều chỉnh, bổ sung về nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xác nhận thì Công ty sẽ có báo cáo bằng văn bản gửi các cơ quan chức năng và chỉ thực hiện khi có văn bản chấp thuận. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra hoạt động của cơ sở.
- + Phòng chống sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố cháy nổ, vệ sinh an toàn lao động và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm này.
- + Phòng chống các sự cố và rủi ro môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình phòng chống sự cố và có các biện pháp phòng chống cụ thể đối với các hệ thống xử lý.
- + Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và khi xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- + Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết
- + trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kiến nghị

Công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội kính đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Tổ hợp nhà Ở Cao Tầng Kết Hợp Dịch Vụ Thương Mại và Văn Phòng địa chỉ tại số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, p. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội để cơ sở có thể sớm hoàn thiện các thủ tục về môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

STT	Tài liệu
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0107593592 đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 10 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 13 tháng 12 năm 2024
2	Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001107 chứng nhận ngày 16 tháng 08 năm 2012
3	Giấy phép quy hoạch số: 3044/GPQH (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung) được Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc Hà Nội cấp ngày 15/07/2015
4	Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc cho phép công ty TNHH một thành viên giống gia súc Hà Nội chuyển mục đích 9.940 m2 đất tại điểm X3 (giao đoạn II), phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng được UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 05/02/2016.
5	Văn bản số 5234/UBND-KT ngày 08/09/2016 về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư tại điểm X3 Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội
6	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2209/QĐ-UBND ngày 12/04/2017
7	Quyết định số 5125/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND thành phố Hà Nội
8	Văn bản số 658/HĐXD-QLTK ngày 17/08/2017 của cục quản lý hoạt động xây dựng về việc thông báo về kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng
9	Giấy phép xây dựng số: 114/GPXD do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 09 năm 2017
10	Quyết định số 391/QĐ-UBND về việc công nhận ban quản trị tòa nhà chung cư Florence, nhiệm kỳ 2024 - 2027, tổ dân phố số 17, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm.
11	Văn bản số 8355/SXD-HT của UBND thành phố Hà Nội về việc đấu nối thoát dự án: Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng tại số 28 lô X3, Trần Hữu Dực, Phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm ngày 16/09/2019

Báo Cáo Đề Xuất Cấp Giấy Phép Môi Trường

12	Biên bản đấu nối thoát nước số:92/BB
13	Thông báo số: 204/TB-CCBVMT-KSON về việc kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm dự án " Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng" của công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội
14	Văn bản số: 5367/STNMT-CCBVMT ngày 26/06/2020 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án
15	Quyết định số 1173/QĐ - UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án " Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng" Địa điểm: số 28 lô X3, đường Trần Hữu Dực, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội
16	Văn bản số: 484/PCCC&CNCH-P4 về việc thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế điều chỉnh
17	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 30240050/XL giữa công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty TNHH môi trường Ngôi Sao Xanh
18	Hợp đồng nguyên tắc số: 05/2024/HĐNT/H&VCCT giữa ban quản trị tòa nhà chung cư Florence và công ty TNHH kỹ thuật môi trường đô thị Hà Nội về việc tổ chức hút và vận chuyển chất thải tại tòa nhà Florence
19	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số: HDKL/07240195 giữa công ty cổ phần nhà Mỹ Xuân Hà Nội và công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị Hà Nội chi nhánh cầu Diễn (2023,2024)
20	Chứng từ thu gom chất thải nguy hại (2023,2024)
21	Biên bản lấy lấy mẫu, hợp đồng nguyên tắc, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường, hợp đồng quan trắc, hợp đồng giấy phép môi trường, biên bản bàn giao hồ sơ giữa chủ đầu tư và ban quản trị
22	Biên bản kiểm tra về việc kiểm tra thực hiện luật bảo vệ môi trường theo quyết định số 1237/QĐ-STNMT-KSONMT
23	Hóa đơn tiền nước
24	Quyết định số 4867 về việc thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất
25	Phiếu kết quả quan trắc nước thải
26	Sơ đồ vị trí lấy mẫu
27	Bản vẽ cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi